

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 79/2019/DS-ST
Ngày: 20-9-2019
V/v tranh chấp hợp đồng vay
tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Dung.
2. Bà Vòng Cảnh Mỹ Dung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Hiếu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 230/2019/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 70/2019/QĐST-DS ngày 29 tháng 7 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 49/2019/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Kim N, sinh năm 1961. Địa chỉ: Số 53/8, Khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà Trần Thị Mỹ L, sinh năm 1967; địa chỉ: Số 162, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 30/5/2019 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Trần Kim N trình bày:*

Bà Trần Kim N và bà Trần Thị Mỹ L là chỗ quen biết nên khi bà L cần tiền thì bà N có cho bà L vay tiền nhiều lần. Cụ thể các lần vay tiền:

+ Ngày 06/6/2018, bà N có cho bà L vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, thời hạn thanh toán là 07 tuần, bà L đã nhận đầy đủ số tiền vay từ bà N.

+ Ngày 06/7/2018, bà N có cho bà L vay số tiền 20.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, thời hạn thanh toán là 07 tuần, bà L đã nhận đầy đủ số tiền vay từ bà N.

+ Ngày 08/8/2018, bà N có cho bà L vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, thời hạn thanh toán là 01 tháng, bà L đã nhận đầy đủ số tiền vay từ bà N.

+ Ngày 08/9/2018, bà N có cho bà L vay số tiền 10.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 5%/tháng, thời hạn thanh toán là 01 tháng, bà L đã nhận đầy đủ số tiền vay từ bà N.

Tổng cộng 04 lần vay là 60.000.000 đồng, để làm tin bà L có đưa cho bà N giữ 01 bản chính giấy chứng minh nhân dân mang tên bà Trần Thị Mỹ L và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 050205 được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/4/2014 mang tên bà Trần Thị Mỹ L. Tuy nhiên, đến các kỳ hạn thanh toán bà L không thanh toán tiền lãi cũng như không trả tiền gốc cho bà N. Bà N đã nhiều lần liên hệ để yêu cầu bà L thanh toán tiền gốc, lãi nhưng bà L cố tình trốn tránh không thanh toán.

Do bà L vi phạm nghĩa vụ thanh toán, xâm phạm đến quyền lợi của bà N nên bà N khởi kiện yêu cầu bà Trần Thị Mỹ L phải trả tổng số tiền gốc các lần vay là 60.000.000 đồng và tiền lãi 1%/tháng kể từ ngày vay đến ngày xét xử sơ thẩm. Tuy nhiên, do là chỗ quen biết nên bà N chỉ yêu cầu bà L trả số tiền lãi là 6.000.000 đồng. Sau khi bà L thanh toán toàn bộ gốc lãi thì bà N sẽ trả lại bản chính giấy chứng minh nhân dân mang tên bà Trần Thị Mỹ L và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 050205 được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/4/2014 mang tên bà Trần Thị Mỹ L.

** Bị đơn bà Trần Thị Mỹ L:* Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L không đến Tòa án tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng không gửi ý kiến bằng văn bản phản đối yêu cầu tranh chấp hợp đồng vay tài sản của bà N. Tòa án ban hành và tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng bà L cũng không đến Tòa án tham gia phiên tòa sơ thẩm. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và quy định tại Khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa xét xử vắng mặt bị đơn bà Trần Thị Mỹ L.

Ngày 28/8/2019, nguyên đơn bà Trần Kim N có bản tự khai xác định lại yêu cầu khởi kiện là buộc bị đơn bà Trần Thị Mỹ L trả lại số tiền gốc 60.000.000 đồng và áp dụng mức lãi suất là 0,83%/tháng, đối với số tiền gốc mượn ngày 06/6/2018 là 20.000.000 đồng, bà N yêu cầu tính lãi từ ngày 27/7/2018 đến ngày 20/9/2019; đối với số tiền gốc mượn ngày 06/7/2018 là 20.000.000 đồng, bà N yêu cầu tính lãi từ ngày 27/8/2018 đến ngày 20/9/2019; đối với số tiền gốc mượn ngày 08/9/2018 là 10.000.000 đồng, bà N yêu cầu tính lãi từ ngày 09/9/2018 đến ngày 20/9/2019; đối với số tiền gốc mượn ngày 08/9/2018 là 10.000.000 đồng, bà N yêu cầu tính lãi từ ngày 09/10/2018 đến ngày 20/9/2019. Đối với tiền lãi suất của các lần vay bà N chỉ yêu cầu bà L trả số tiền lãi tổng cộng là 6.000.000 đồng. Đồng thời, bà N có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa ngày 20/9/2019.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đầy đủ, đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự và người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng theo quy định pháp luật. Kiểm sát viên không có ý kiến cũng như kiến nghị sửa chữa, bổ sung gì thêm về phần thủ tục. Về nội dung, căn cứ theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn bà Trần Thị Mỹ L có địa chỉ cư trú tại số 162, khu phố C, phường C, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan hệ pháp luật: Bà Trần Kim N yêu cầu tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Mỹ L phải trả số tiền gốc đã vay là 60.000.000 đồng và số tiền lãi 6.000.000 đồng, tổng cộng gốc lãi là 66.000.000 đồng. Xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng mà các bên giao kết là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Nguyên đơn bà Trần Kim N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Trần Thị Mỹ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Khoản 2 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện giữa bà N và bà L đã tiến hành giao dịch vay tài sản nhiều lần vào các ngày 06/6/2018, ngày 06/7/2018, ngày 08/8/2018, ngày 08/9/2018, tổng cộng 04 lần vay là 60.000.000 đồng. Để làm tin bà L có giao cho bà N giữ 01 bản chính giấy chứng minh nhân minh mang tên bà Trần Thị Mỹ L và 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 050205 được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/4/2014 mang tên bà Trần Thị Mỹ L. Về phương thức thanh toán của các lần vay tiền ngày 06/6/2018, ngày 06/7/2018 thì bà N và bà L thỏa thuận trả góp mỗi tuần với số tiền 3.000.000 đồng; lần vay tiền ngày 08/8/2018 và ngày 08/9/2018 thì bà L hẹn trong vòng 1 tháng sau khi vay sẽ thanh toán tiền gốc cho bà N. Tuy nhiên, đến kỳ hạn thanh toán nhưng bà L không thanh toán tiền lãi cũng như không trả tiền gốc cho bà N. Do đó, bà N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Trần Thị Mỹ L có trách nhiệm trả lại số tiền gốc 60.000.000 đồng. Xét thấy, việc thỏa thuận vay tiền giữa các bên được thể hiện tại các giấy vay tiền ngày 06/6/2018, ngày 06/7/2018, ngày 08/8/2018, ngày 08/9/2018 là hoàn toàn đúng quy định của pháp luật, hợp đồng các bên giao kết là hợp đồng vay có thời hạn. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại số tiền gốc đã vay là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại điều 466 của Bộ luật Dân sự.

Về tiền lãi: Theo giấy vay tiền ngày 06/6/2018, ngày 06/7/2018, ngày 08/8/2018, ngày 08/9/2018 các bên không ghi nhận lãi suất, bà N cho rằng hai bên thỏa thuận mức lãi suất là 5%/tháng nhưng quá trình giải quyết vụ án bà N chỉ yêu cầu tính lãi suất với số tiền 0.83%/tháng là phù hợp quy định tại Khoản 2 Điều 468 BLTTDS. Bà N yêu cầu tiền lãi 0.83%/tháng tính từ ngày 27/7/2018 đến ngày 20/9/2019 đối với số tiền gốc 20.000.000 đồng là 01 năm 01 tháng 23 ngày với số tiền 2.293.000 đồng (1). Đối với số tiền gốc 20.000.000 đồng tính từ ngày 27/8/2018 đến ngày 20/9/2019 là 01 năm 23 ngày với số tiền 2.127.000 đồng (2). Đối với số tiền gốc 10.000.000 đồng tính từ ngày 09/9/2018 đến ngày 20/9/2019 là 01 năm 11 ngày với số tiền 1.030.000 đồng (3). Đối với số tiền gốc 10.000.000 đồng tính từ ngày 09/10/2018 đến ngày 20/9/2019 là 11 tháng 11 ngày với số tiền 946.000 đồng (4), tổng cộng (1) + (2) + (3) + (4) là 6.396.000 đồng. Tuy nhiên, bà N chỉ yêu cầu với số tiền lãi là 6.000.000 đồng là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với bản chính giấy chứng minh nhân dân được Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 09/9/2007 mang tên bà Trần Thị Mỹ L và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 050205 được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/4/2014 mang tên bà Trần Thị Mỹ L hiện bà N đang giữ nên bà N có trách nhiệm trả lại cho bà Trần Thị Mỹ L sau khi bà L đã hoàn trả hết số tiền gốc, tiền lãi cho bà N.

Từ những phân tích trên, có cơ sở để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Xét thấy, lời đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn bà Trần Thị Mỹ L phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 429, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 470 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ Điều 6, Điều 8, Khoản 3 Điều 26, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 91, Khoản 1 Điều 147, Khoản 2 Điều 184, Khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Trần Kim N đối với bị đơn bà Trần Thị Mỹ L về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Bà Trần Thị Mỹ L có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Kim N tổng số tiền là 66.000.000đ (sáu mươi sáu triệu đồng), trong đó tiền nợ gốc là 60.000.000 đồng, tiền lãi là 6.000.000 đồng.

Bà Trần Kim N có trách nhiệm trả lại cho bà Trần Thị Mỹ L bản chính giấy chứng minh nhân dân được Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 09/9/2007 mang tên bà Trần Thị Mỹ L và 01 bản chính giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 050205 được Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Bình Dương cấp ngày 22/4/2014 mang tên bà Trần Thị Mỹ L sau khi bà L đã thanh toán xong toàn bộ số tiền 66.000.000đ (sáu mươi sáu triệu đồng).

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Trần Thị Mỹ L phải nộp 3.300.000đ (ba triệu ba trăm nghìn đồng).

- Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho bà Trần Kim N số tiền 1.650.000đ (một triệu sáu trăm năm mươi nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0034051 ngày 06/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai theo luật định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Hồng Phương